

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345/2025/DS-PT
Ngày 25-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền,
hợp đồng tặng cho, hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2024/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phạm Thúy K, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: ông Trần Hoàng P (Trần Hoàng V), sinh năm 1983;

Địa chỉ: số A P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số A, đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Hoàng V1, sinh năm 1958. Địa chỉ: số A P, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966;

3. Ông Lê Hữu Q, sinh năm 1995;

4. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

5. Lê Ngọc Minh C, sinh năm 2008;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Lê Ngọc Minh C: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (được chuyển đổi thành Sở N).

Địa chỉ: K - Khu T tỉnh Long An, số D Đường S, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp: ông Võ Minh T1, Giám đốc.

7. Văn phòng C1.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Xuân Q1 - Trưởng Văn phòng. Địa chỉ: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn bà Phạm Thúy K.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và các văn bản trong quá trình tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thúy K trình bày:

Vào ngày 05/02/2018 bà Phạm Thúy K có làm biên nhận ký tên vay của ông Trần Hoàng P số tiền 1.000.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Thực tế, bà Phạm Thúy K chỉ nhận số tiền 700.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng bà Hoàng Thị Tố N nhận. Cùng ngày, bà Phạm Thúy K và ông Trần Hoàng P ra Văn phòng C1 làm Hợp đồng ủy quyền cho ông Trần Hoàng P thời hạn 10 năm về quyền sử dụng đất thuộc thửa 1475 diện tích 3.168m² do bà đứng tên tại Ấp B xã M, huyện T, tỉnh Long An mục đích là để đảm bảo cho số tiền vay 1.000.000.000đồng. Đây là tài sản riêng của bà Phạm Thúy K. Bà Phạm Thúy K không nhớ vào thời gian nào bà có mang trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 182.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng hai bên không lập giấy tờ về việc trả lãi. Ông Trần Hoàng P có yêu cầu bà Phạm Thúy K trả tiền nhiều lần nhưng bà Phạm Thúy K không có khả năng trả nên ngày 12/11/2018 bà Phạm Thúy K viết giấy cam kết giao thửa 1475 cho ông Trần Hoàng P. Thực tế, bà Phạm Thúy K chưa giao thửa đất cho ông Trần Hoàng P mà bà vẫn đang quản lý sử dụng. Theo Bản án số 362/2015/DSPT ngày 04/12/2015, thì bà Phạm Thúy K có nợ bà T2 số tiền 565.650.000 nên thửa đất số 1475 bị **Chi cục Thi hành án dân sự huyện T** kê biên để bảo đảm thi hành án. Ông Trần Hoàng P có trả thay cho bà Phạm Thúy K số tiền 300.000.000 đồng. Sự việc bà Phạm Thúy K chỉ nhận 700.000.000 đồng, bà Hoàng Thị Tố N nhận 300.000.000 đồng, bà Phạm Thúy K có trả lãi được 182.000.000 đồng không có giấy tờ gì chứng minh, bà N lại bỏ trốn, bà Phạm Thúy K không tìm được bà Hoàng Thị Tố N nên không thể cung cấp thông tin của bà N cho

Tòa án được. Tại Tòa án, bà Phạm Thúy K thừa nhận bà có nợ ông Trần Hoàng P số tiền vốn 1.300.000.000 đồng

Bà Phạm Thúy K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/02/2018 giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đối với thửa đất 1475 tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

+ Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K, ông Trần Hoàng P với ông Trần Hoàng V1 đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M huyện T, tỉnh Long An.

Bà Phạm Thúy K đồng ý trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 1.300.000.000 đồng vốn và 200.000.000 đồng tiền lãi bồi thường.

Bà Phạm Thúy K đồng ý Tòa án công nhận khu B có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 1475 có tứ cận Đông giáp Lộ Làng Ấ; Tây giáp thửa 163 Phạm Thúy K; Nam giáp thửa 224; Bắc giáp khu dân cư Ấp B cho ông Lê Văn Đ theo Mệnh trích đo bản đồ địa chính ngày 04/5/2023 của Công ty TNHH Đ2. Với lý do vào ngày 19/3/2010 bà trực tiếp chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đ, bà Phạm Thị H1 diện tích 1.000m² đất ruộng thuộc một phần thửa 1475 tại Ấp B xã M, huyện T, tỉnh Long An với giá 150.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tay. Bà đã nhận tiền, giao đất cho ông Đ, bà H1. Sau khi nhận đất thì bà H1, ông Đ đã xây dựng nhà ở, xây dựng công trình vật kiến trúc trên đất. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1.000m² đất thuộc một phần thửa 1475 thì bà đồng ý.

Bà Phạm Thúy K thống nhất với **Mệnh trích đo bản đồ địa chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký ngày 04/5/2023** và Chứng thư thẩm định giá.

Trong đơn phản tố ngày 11/9/2023 và các văn bản trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Hoàng P cùng người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày:

Ngày 05/02/2018 ông Trần Hoàng P với bà Phạm Thúy K có ký kết hợp đồng vay tài sản được thể hiện bằng giấy tay giấy nhận tiền là 1.000.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thương lượng. Bà Phạm Thúy K trực tiếp nhận đủ 1.000.000.000 đồng. Ông Trần Hoàng P không biết bà Hoàng Thị Tố N là ai cũng không có giao tiền cho bà N. Để đảm bảo cho số tiền vay 1.000.000.000 đồng, bà Phạm Thúy K có thể chấp cho ông Trần Hoàng P một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thúy K đứng tên đối với thửa đất số 1475 diện tích 3.164,5m² tọa lạc tại Ấp B xã M, huyện T, tỉnh Long An. Số tiền, bà Phạm Thúy K nhận trực tiếp tiền từ ông Trần Hoàng P. Sau khi nhận tiền, bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P làm hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng C1, **hợp đồng công chứng số 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/02/2018**. Nội dung hợp đồng ủy quyền là cho ông Trần Hoàng P được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến thửa đất 1474. Do bà Phạm Thúy K không trả lãi hàng tháng như đã thỏa thuận, nên ngày 12/11/2018, ông Trần Hoàng P tiếp tục yêu cầu

bà Phạm Thúy K trả tiền, nhưng bà Phạm Thúy K không có tiền để thanh toán. Bà Phạm Thúy K có viết một bản cam kết với nội dung là trường hợp bà Phạm Thúy K không trả tiền thì ông Trần Hoàng P được hoàn toàn mua bán sang nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, bà Phạm Thúy K không được tranh chấp. Sau khi có bản cam kết, đồng thời ông Trần Hoàng P biết rằng bà Phạm Thúy K đang thi hành bản án tại **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa**. Ông Trần Hoàng P đến gặp bà C là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngọc T2 là người mà bà Phạm Thúy K phải thi hành án và bà C đã nhận của ông Trần Hoàng P 300.000.000 đồng vào ngày 19/6/2020. Sau khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa giải tỏa kê biên thửa đất thì ông Trần Hoàng P thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng thửa đất cho ông Trần Hoàng V1. Hiện tại thửa đất 1475 ông Trần Hoàng V1 chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực tế bà Phạm Thúy K vẫn đang trực tiếp canh tác sử dụng. Từ lúc vay đến nay, ông Trần Hoàng P không nhận tiền lãi của bà K.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà K, ông Trần Hoàng P đồng ý:

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/02/2018 giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P đại diện với ông Trần Hoàng V1 đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Ông Trần Hoàng P có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Phạm Thúy K phải trả tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 3.070.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Hoàng P chỉ yêu cầu bà Phạm Thúy K phải trả số tiền vốn đã nhận là 1.300.000.000đồng và tiền lãi 1.134.500.000đồng. Tổng cộng 2.434.500.000đồng. Cụ thể, đối với khoản vay 1.000.000.000đồng và 300.000.000đồng tiền trả tại **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa** thì mức lãi suất trong hạn được tính là 10%/năm, lãi suất quá hạn được tính là 20%/năm, thời điểm tính lãi là từ ngày vay đến ngày 14/11/2024. Sở dĩ ông Trần Hoàng P yêu cầu tính lãi là do bà Phạm Thúy K chiếm dụng số tiền 1.300.000.000đồng. Ông Trần Hoàng P cũng thường xuyên yêu cầu bà Phạm Thúy K trả tiền nhưng bà Phạm Thúy K cố ý kéo dài đến nay làm thiệt hại đến quyền lợi của ông. Ngoài ra, ông Trần Hoàng P còn yêu cầu bà Phạm Thúy K phải trả thêm khoản tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 10.126.400đồng, tiền lệ phí trước bạ là 2.561.300đồng.

Ông Trần Hoàng P không yêu cầu bà Phạm Thúy K trả số tiền 623.570.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1 trình bày:

Ông là cha ruột của ông P, ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy K và đồng ý với ý kiến của ông Trần Hoàng P là vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P đại diện đối với ông về chuyển nhượng thửa đất số 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An, do ông đang đứng tên quyền sử dụng đất. Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất hiện tại ông đang giữ, không thể chấp cho tổ chức cá nhân nào, đất hiện do bà Phạm Thúy K đang sử dụng. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Trong văn bản ngày 07/6/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày:

Ngày 05/02/2018 bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đến Văn phòng C1 nộp hồ sơ yêu cầu Văn phòng công chứng chứng nhận một hợp đồng ủy quyền. Giấy tờ các bên nộp gồm giấy CMND của hai người, hai sổ hộ khẩu, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Phạm Thúy K đứng tên. Qua kiểm tra các giấy tờ đều hợp lệ, qua tiếp xúc trao đổi, Văn phòng C1 hợp đồng và các bên đã đọc lại toàn bộ dự thảo, các bên đã hiểu rõ nội dung và đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng. Văn phòng C1 chứng nhận hợp đồng ủy quyền. Ngày 03/7/2020 ông P, ông V1 đến Văn phòng C1 ký hợp đồng tặng cho thuộc thửa 1475 diện tích 3.164,50m² tại Ấp B xã M, huyện T. Do đó Văn phòng Công chứng chứng nhận hai hợp đồng nêu trên là phù hợp với qui định của pháp luật

Trong đơn khởi kiện độc lập ngày 25/6/2021, đơn bổ sung yêu cầu ngày 04/5/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ trình bày:

Vào ngày 19/3/2010 âm lịch ông với vợ là Phạm Thị H1 có mua của bà Phạm Thúy K 1.000m² đất lúa thuộc một phần thửa 1475 diện tích 3.168m² tờ bản đồ số 02 do bà Phạm Thúy K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ấp B xã M, huyện T, tỉnh Long An với giá 150.000.000 đồng. Bà Phạm Thúy K đã giao đất cho **vợ chồng ông. Vợ chồng ông** mới đổ đất xây dựng nhà để ở, xây dựng chuồng heo và trồng các loại cây ăn trái khoảng 500m², diện tích còn lại trồng hoa màu. Vào năm 2016 bà H1 chết và các con còn nhỏ nên hiện tại ông đã không còn sống ở đó nữa. Ông với bà H1 **có với nhau 3 người con chung tên là** Lê Hữu Q, Lê Thị Thu T, Lê Ngọc Minh C. Ông yêu cầu Tòa án công nhận khu B có diện tích 1.000m² cho ông **M trích đo bản đồ địa chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký ngày 04/5/2023**, bà Phạm Thúy K phải làm thủ tục chuyển quyền sang tên cho ông.

Ông Đ thống nhất với **Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký ngày 04/5/2023** và Chứng thư thẩm định giá.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2024/DS-ST ngày 18/11/2024 và Quyết định số 01/2025/QĐ-SCBSBA ngày 09/01/2025 sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 124, 218, 213, 274, 286, 500, 501, 502, 503, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 171 của Luật Đất đai, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy K đối với ông Trần Hoàng P về việc tranh chấp vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/02/2018 giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K, ông Trần Hoàng P với ông Trần Hoàng V1 đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng P:

Buộc bà Phạm Thúy K phải hoàn trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 2.434.500.000 đồng, trong đó 1.300.000.000 đồng vốn và tiền lãi 1.134.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoàng P về việc yêu cầu bà Phạm Thúy K phải trả số tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 10.126.400 đồng, tiền lệ phí trước bạ 2.561.300 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng P về việc yêu cầu bà Phạm Thúy K trả số tiền 623.570.000 đồng.

3. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K với ông Lê Văn Đ theo giấy mua bán ngày 19/3/2010.

Công nhận khu B có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 1475 có tứ cận Đông giáp lộ làng ấp 2; Tây giáp thửa 163 Phạm Thúy K; Nam giáp thửa 224 H; Bắc giáp khu dân cư ấp B cho ông Lê Văn Đ. Theo trích đo bản đồ địa chính số 718 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký ngày 04/5/2023.

3. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án, Văn phòng Đ3, cơ quan T3 nguyên - Môi trường căn cứ vào bản án quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

4. Về lệ phí tố tụng: Lệ phí cho việc đo đạc, chứng thư thẩm định giá là 28.000.000 đồng. Ông Trần Hoàng P đã nộp xong. Bà Phạm Thúy K phải chịu 28.000.000 đồng và phải hoàn trả cho ông P.

Từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thúy K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm do trên 60 tuổi.

Ông Trần Hoàng P phải chịu 1.234.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 34.061.000 đồng, còn lại 32.827.000 hoàn trả cho ông Trần Hoàng P theo biên lai thu số 0006657 ngày 06/11/2023; Hoàn trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007919 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2024, nguyên đơn bà Phạm Thúy K làm đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền lãi 1.134.500.000đồng cho ông Trần Hoàng P, vì ông Trần Hoàng P đã chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sang tên cho người khác từ ngày 03/8/2020 cho đến nay, bà Phạm Thúy K chỉ đồng ý trả cho ông Trần Hoàng P 1.300.000.000đồng.

Ngày 25/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1 làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ1 vì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ1 và bà Phạm Thúy K là vi phạm quy định về nội dung và hình thức.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn bà Phạm Thúy K không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, trình bày cho rằng, bà Phạm Thúy K vay của ông Trần Hoàng P 1.000.000.000đồng với lãi suất 5%/tháng, nhưng chỉ nhận thực tế số tiền 700.000.000đồng, đã trả lãi **182.000.000đồng**, nên bà Phạm Thúy K chỉ đồng ý trả tiền lãi từ ngày 05/02/2018 đến ngày 03/7/2020 là ngày mà ông Trần Hoàng P lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông V1, không đồng ý tính lãi đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Hoàng P do bà Nguyễn Thị Quỳnh H đại diện không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà K, trình bày cho rằng, ông Trần Hoàng P cho bà Phạm Thúy K vay 1.000.000.000đồng vào ngày 05/02/2018 với lãi suất thoả thuận miệng là 5%/tháng, chưa nhận bất cứ khoản tiền lãi nào từ bà Phạm Thúy K nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1 không rút đơn kháng cáo, không đồng ý công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K và **bà H1** trình bày cho rằng, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa **bà H1** và bà Phạm Thúy K không được thể hiện ở hợp đồng chuyển nhượng, việc công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Phạm Thúy K và **bà H1** làm ảnh hưởng đến quá trình thu hồi số nợ mà bà Phạm Thúy K đang nợ, vì số tiền 1.000.000.000đồng ông Trần Hoàng P cho bà Phạm Thúy K vay thực chất là số tiền của ông V1, do ông Trần Hoàng P là con của ông V1 và thực tế ông Trần Hoàng P chưa nhận bất cứ khoản tiền lãi nào từ bà K.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thúy K, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1 trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hoàng V1, của bà Phạm Thúy K thấy rằng:

Vào năm 2010 **bà H1** nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thúy K 1.000m² đất thuộc một phần thửa 1475. **Vợ chồng bà H1 và ông Đ1** đã xây dựng nhà ở, xây dựng chuồng heo và trồng cây, hiện trạng đất được thể hiện trong Biên bản thẩm định tại

chỗ ngày 24/01/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm. Mặc dù việc chuyển nhượng giữa bà Phạm Thúy K với bà H1 là chỉ làm bằng giấy tay không tuân thủ điều kiện về mặt hình thức nhưng thực tế bà Phạm Thúy K đã nhận đủ số tiền là 150.000.000 đồng và đã giao đất cho vợ chồng bà H1, ông Đ1. Vợ chồng bà H1, ông Đ1 đã xây dựng nhà và công trình, vật kiến trúc trên đất. Bà Phạm Thúy K đồng ý theo yêu cầu của ông Lê Văn Đ công nhận khu B có diện tích 1.000m² theo **Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T ký ngày 04/5/2023**, đồng ý làm thủ tục chuyển quyền cho ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Hoàng P và bà Phạm Thúy K đồng ý vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/02/2018 giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An và vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P đại diện với ông V1 đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Phạm Thúy K đồng ý trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 1.300.000.000 đồng tiền vốn nhưng không đồng ý trả tiền 1.134.500.000 đồng mà chỉ đồng ý trả lãi 200.000.000 đồng. Xét thấy việc ông Trần Hoàng P yêu cầu bà Phạm Thúy K phải bồi thường số tiền lãi 1.134.500.000 đồng được tính theo mức lãi 20%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của ông Trần Hoàng V1, bà Phạm Thúy K không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thúy K và ông V1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thúy K, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1 làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Long An, Văn phòng C1 vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này.

[3] Nguyên đơn bà Phạm Thúy K khởi kiện yêu cầu tuyên bố các giao dịch dân sự có liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 1475 tờ bản đồ số 2 gồm hợp đồng ủy quyền giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P làm đại diện với ông Trần Hoàng V1 là vô hiệu. Bị đơn ông Trần Hoàng P đồng ý với yêu cầu của bà Phạm Thúy K nhưng có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Phạm Thúy K trả tiền vốn vay cùng tiền lãi tổng cộng là 3.070.758.200 đồng, cùng với khoản tiền thuế thu nhập cá nhân là 10.126.400 đồng, tiền lệ phí trước bạ 2.561.300 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Hoàng P chỉ yêu cầu bà Phạm Thúy K trả số tiền 1.300.000.000 đồng cùng 1.134.500.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.434.500.000 đồng, rút yêu cầu đối với số

tiền lãi là 623.570.000đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1.000m² đất thuộc một phần thửa 1475 tờ bản đồ số 2. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, vô hiệu hợp đồng uỷ quyền giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P làm đại diện với ông Trần Hoàng V1, các đương sự không có kháng cáo phần này. Toà án cấp sơ thẩm đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P, yêu cầu độc lập của ông Đ, buộc bà Phạm Thúy K trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 2.434.500.000đồng, trong đó gồm 1.300.000.000đồng tiền vốn vay và 1.134.500đồng tiền lãi, công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K và ông Đ. Bà Phạm Thúy K kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi cho ông P, ông V1 thì kháng cáo không đồng ý công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K và ông Đ.

[4] Xét yêu cầu của bà Phạm Thúy K không đồng ý trả tiền lãi cho ông Trần Hoàng P thấy rằng:

[4.1] Căn cứ vào giấy tay nhận tiền ngày 05/02/2018 thì bà Phạm Thúy K có nhận của ông Trần Hoàng P số tiền vay 1.000.000.000đồng, bà Phạm Thúy K cho rằng mặc dù ký tên nhận số tiền 1.000.000.000đồng nhưng thực tế chỉ nhận của ông Trần Hoàng P 700.000.000đồng, trình bày của bà Phạm Thúy K không được ông Trần Hoàng P thừa nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh. Về mức lãi suất vay, mặc dù trong giấy tay không thể hiện mức lãi suất vay nhưng cả bà Phạm Thúy K và ông Trần Hoàng P đều trình bày thống nhất, lãi suất thoả thuận vay là 5%/tháng. Bà Phạm Thúy K cho rằng bà Phạm Thúy K đã trả cho ông Trần Hoàng P 182.000.000đồng tiền lãi nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ đã trả khoản tiền lãi này cho ông Trần Hoàng P nên không chấp nhận trình bày của bà Phạm Thúy K về số tiền lãi đã trả. Bà Phạm Thúy K chỉ đồng ý trả tiền lãi vay cho ông Trần Hoàng P từ thời điểm nhận tiền vay ngày 05/02/2018 đến ngày 03/7/2020 là ngày mà ông Trần Hoàng P lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông V1, tuy nhiên cho đến nay bà Phạm Thúy K vẫn chưa trả tiền cho ông Trần Hoàng P và các bên không thoả thuận ngừng việc trả lãi đến thời điểm ngày 03/7/2020 như bà Phạm Thúy K trình bày.

[4.2] Do mức lãi suất các bên thoả thuận vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên ông Trần Hoàng P yêu cầu bà Phạm Thúy K trả tiền lãi bằng 20%/năm là phù hợp. Từ ngày vay ngày 05/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/11/2024 là 6 năm 9 tháng 13 ngày, lãi suất được tính như sau: 1.000.000.000 đồng x 6 năm 9 tháng 13 ngày x 20%/năm = 1.357.222.222đồng, vì vậy ông Trần Hoàng P yêu cầu bà Phạm Thúy K trả số tiền lãi 1.134.500.000đồng là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông V1 yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K và ông Đ thấy rằng:

[5.1] Về quyền khởi kiện yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K và bà Phạm Thúy H2 thấy rằng: ông Đ là chồng của bà H2, bà H2 chết vào ngày 07/12/2016, các thừa kế của bà H2 gồm chồng của bà H2 là ông Lê Văn Đ và các con của bà H2 là Lê Hữu Q, Lê Thị Thu T và Lê Ngọc Minh C, các con của bà H2 ông Đ là Lê Hữu Q, Lê Thị Thu T đã thành

niên có văn bản đồng ý cho ông Đ đứng ra khỏi kiện, còn Lê Ngọc Minh C chưa thành niên, do ông Đ đại diện, vì vậy ông Đ có quyền khởi kiện yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H2 và bà K.

[5.2] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2010 giữa bà Phạm Thúy K và bà Phạm Thúy H2 chỉ bằng giấy tay, không đảm bảo điều kiện về hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 122, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 35, Điều 37 của Luật Công chứng năm 2006. Tuy nhiên các bên đã thực hiện xong hợp đồng, bà H2 ông Đ đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng, xây dựng nhà và tường rào bao quanh có khuôn viên riêng, vì vậy Toà án cấp sơ thẩm đã công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H2 và bà K, cho quyền ông Đ kê khai cấp quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 129, Điều 502 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 55/2022/AL.

[6] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thúy K và ông Trần Hoàng V1. Tuy nhiên để đảm bảo công tác thi hành án cần chỉnh sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Toà án cấp sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án trong quyết định của bản án sơ thẩm chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, bà H đại diện cho nguyên đơn và ông V1 đồng ý với quyết định về lãi suất nên giữ nguyên bản án sơ thẩm về lãi suất chậm trả.

[8] Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thúy K và ông V1 là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí phúc thẩm: bên kháng cáo bà Phạm Thúy K và ông Trần Hoàng V1 không được chấp nhận phải chịu án phí theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà Phạm Thúy K và ông V1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên xem xét cho bà Phạm Thúy K và ông V1 được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thúy K.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng V1.

Chỉnh sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2024/DS-ST ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về cách tuyên án.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 124, 218, 213, 274, 286, 500, 501, 502, 503, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 171 của Luật Đất đai, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy K đối với ông Trần Hoàng P về việc tranh chấp vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền số công chứng 859 quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/02/2018 giữa bà Phạm Thúy K với ông Trần Hoàng P đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại Ấp B xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 3868 quyền số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD đã được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 03/7/2020 giữa bà Phạm Thúy K do ông Trần Hoàng P đại diện với ông Trần Hoàng V1 đối với thửa đất 1475, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng P:

Buộc bà Phạm Thúy K phải hoàn trả cho ông Trần Hoàng P số tiền 2.434.500.000 đồng, trong đó 1.300.000.000 đồng vốn và 1.134.500.000 đồng lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoàng P về việc yêu cầu bà Phạm Thúy K phải trả số tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản là 10.126.400 đồng, tiền lệ phí trước bạ 2.561.300 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Hoàng P về việc yêu cầu bà Phạm Thúy K trả số tiền 623.570.000 đồng.

3. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thúy K với bà Phạm Thúy H2 theo giấy tay ngày 19/3/2010.

Công nhận khu B có diện tích 1.000m² thuộc một phần thửa 1475 có tứ cận Đông giáp lộ làng Á; Tây giáp thửa 163; Nam giáp thửa 224; Bắc giáp khu dân cư Ấp B M cho ông Lê Văn Đ theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký ngày 04/5/2023.

4. Về quyền đăng ký cấp quyền sử dụng đất và thu hồi, huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ông Trần Hoàng V1 có nghĩa vụ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 337104 ngày 03 tháng 8 năm 2020, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp quyền sử dụng thửa đất số 1475 tờ bản đồ số 2 để ông V1 đứng tên, cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề thu hồi, huỷ bỏ theo quyết định của bản án.

Ông Lê Văn Đ có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 1.000m² thuộc một phần thửa 1475 tờ bản đồ 02.

Bà Phạm Thúy K được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn lại tại thửa 1475 tờ bản đồ số 02. theo Mảnh trích đo bản đồ địa

chính số 718-2023 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký ngày 04/5/2023 thì bà Phạm Thúy K đăng ký kê khai phần diện tích đất tại vị trí khu A.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thúy K phải chịu 28.000.000 đồng chi phí đo đạc, định giá xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này ông Trần Hoàng P đã nộp tạm ứng, bà Phạm Thúy K phải nộp lại 28.000.000 đồng để hoàn trả cho ông P.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Về án phí:

Miễn án phí cho bà Phạm Thúy K và ông Trần Hoàng V1.

Ông Trần Hoàng P phải chịu 1.234.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.061.000 đồng theo biên lai thu số 0006657 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. H3 lại cho ông Trần Hoàng P số tiền 32.827.000 còn thừa.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007919 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án **dân sự** huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

8. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga